

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN LONG MỸ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 73/2024/HN&GD-ST

Ngày: 30 - 7 - 2024

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ TỈNH HẬU GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*

*- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lãm.*

*- Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Minh Thật.

Bà Lê Thị Mỹ Linh.

*Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng – Thẩm tra viên Tòa án nhân  
huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.*

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2023/TLST - HN&GD ngày 07 tháng 12 năm 2023 vụ án " Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Ngô Thành S**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ cư trú: **Ấp F, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang**. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ cư trú: **Ấp F, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang**. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

**Ngân hàng C**.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T**. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: **A, Linh Đ, H, H, thành phố Hà Nội**.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Huỳnh Quốc V**. Chức vụ: Giám đốc **phòng giao dịch huyện L**.

Địa chỉ: **Ấp A, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang**. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 26/5/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Ngô Thành S** trình bày: Vào năm 2010 ông và bà **Nguyễn Thị L** tổ chức lễ cưới đến ngày 04/4/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân **xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**, hôn nhân do ông và bà **L** tự nguyện. Ông và bà **L** chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, bà **L** bỏ nhà đi không có tin tức, ông và bà **L** đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông **S** yêu cầu được ly hôn với bà **L**.

Về con chung: Có 03 con chung tên **Ngô Thị Cẩm Q** (nữ), sinh ngày 19/9/2011, **Ngô Thị Cẩm D** (nữ), sinh ngày 17/8/2015 và **Ngô Thành L1**, (nam), sinh ngày 30/6/2019, con chung hiện nay do ông nuôi dưỡng, khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu bà **L** cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ **ngân hàng C, phòng giao dịch huyện L** số tiền 42.000.000 đồng số nợ này ông đã trả xong.

Đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị L** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên chưa có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Ngô Thành S**.

Tại văn bản ngày 28/02/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng C**, đại diện theo uỷ quyền ông **Huỳnh Quốc V** trình bày: Bà **Nguyễn Thị L** và ông **Ngô Thành S** có vay của ngân hàng số tiền 42.000.000 đồng nhưng đã trả xong nên ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và

căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng C đại diện theo uỷ quyền ông Huỳnh Quốc V có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Huỳnh Quốc V.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Thành S và bà Nguyễn Thị L tổ chức lễ cưới vào năm 2010, đến ngày 04/4/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo đúng quy định nên hôn nhân giữa ông S, bà L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tuy nhiên ông S bà L chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn tại phiên tòa ông S trình bày là do bất đồng quan điểm, bà L bỏ nhà đi từ năm 2021 đến nay không có tin tức gì, ông S và bà L đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Từ khi ly thân đến nay ông S bà L đều không có thiện chí hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông S bà L hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng nhưng tại phiên tòa ông S cương quyết xin ly hôn với bà L. Điều đó cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa ông S bà L không hạnh phúc, không hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông S là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông S bà L có 03 con chung tên Ngô Thị Cẩm Q (nữ), sinh ngày 19/9/2011, Ngô Thị Cẩm D (nữ), sinh ngày 17/8/2015 và Ngô Thành L1, (nam), sinh ngày 30/6/2019, con chung hiện nay do ông nuôi dưỡng, khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu bà L cấp dưỡng. Tại văn bản ngày 16/5/2023 cháu Ngô Thị Cẩm H, Ngô Thị Cẩm D có nguyện vọng được sống với ông S nên Hội đồng xét xử giao cháu Ngô Thị Cẩm H, Ngô Thị Cẩm D cho ông S nuôi dưỡng là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đối với cháu Ngô Thành L1, sinh ngày 30/6/2019 hiện do ông S nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Ngô Thành L1 cho ông S nuôi dưỡng là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014, ông S chưa yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông S khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Trước đây ông S bà L có vay của ngân hàng C, phòng giao dịch huyện L số tiền 42.000.000 đồng nhưng ông S đã trả xong. Tại văn bản ngày 28/02/2024 ngân hàng C, phòng giao dịch huyện L xác nhận ông S bà L đã trả nợ xong và ngân hàng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Dương sự còn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[8] *Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, 28, 35, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 9, 53, 56, 57, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ngô Thành S. Cho ông Ngô Thành S được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Cẩm Q (nữ), sinh ngày 19/9/2011, Ngô Thị Cẩm D (nữ), sinh ngày 17/8/2015 và Ngô Thành L1 (nam), sinh ngày 30/6/2019 cho ông Ngô Thành S tiếp tục nuôi dưỡng. Ông S chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét. Dành quyền, thăm, chăm sóc con chung cho bà Nguyễn Thị L không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ngân hàng C, phòng giao dịch huyện L không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Ngô Thành S phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), chuyển 300.000 đồng ông S đã nộp theo biên

lai thu số 0009902 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ thành án phí. Ông S đã nộp xong.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn ông Ngô Thành S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 30/7/2024. Bị đơn bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng C, đại diện theo uỷ quyền ông Huỳnh Quốc V có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi có trụ sở làm việc.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND h Long Mỹ;
- Chi cục THADS h Long Mỹ;
- UBND xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hoá, Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Lãm**

